TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN KIẾN AN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2022/QĐST-DS	*Kiến An, ngày 16 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 01/2022/TLST-KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2022;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q; địa chỉ: Tầng 28, Cao ốc S, số 37 T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q: Ông Mai Đức Q (theo Giấy ủy quyền số 130.2021/GUQ-COL ngày 22/9/2021).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Năng lượng và Xây dựng T; địa chỉ: Lô 41 Khu phát triển nhà ở Q, đường M, tổ 12, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn H, chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tiết Văn H; địa chỉ: Tổ 12, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hợp đồng:

Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q (sau đây gọi là Công ty C) và Công ty Cổ phần Năng lượng và Xây dựng T (sau đây gọi là Công ty T) đã ký kết Hợp đồng Cho thuê Tài chính số **B1909254P2** ngày 26/09/2019 và Hợp đồng Cho thuê Tài chính số **B1905023P2** ngày 06/05/2019 (sau đây gọi là "*Hợp đồng thuê*").

Theo đó, tài sản thuê (gồm 07 Tổ máy phát điện và 07 Máy phát điện) mà Công ty T có nhu cầu sử dụng và đã thuê của Công ty C là:

STT	Hợp đồng thuê	Tên tài sản	Số lượng
1	B1909254P2	Tổ máy phát điện - Hiệu: CUMMINS; - Model: C450D5; - Xuất xứ: China.	**02**
		Tổ máy phát điện - Hiệu: CUMMINS; - Model: C550-D5; - Xuất xứ: China.	**03**
		Tổ máy phát điện - Hiệu: DAEWOO; - Model: 16DWV-880.	**02**
2	B1905023P2	Máy phát điện - Hiệu: FG Wilson; - Model: P450-3; - Xuất xứ: United Kingdom	**02**
		Máy phát điện - Hiệu: Cummins Power; - Model: C550D5e; - Xuất xứ: United Kingdom.	**05**

Nhằm đảm bảo thu hồi nợ, Công ty C có chấp nhận thư bảo lãnh cá nhân của Ông Tiết Văn H.

Tổng giá trị Tài sản thuê, số tiền mà Công ty T trả trước ("*Tiền trả trước*"), số tiền mà Công ty C tài trợ ("*Giá trị thuê*") cũng như thời hạn thuê đối với Hợp đồng thuê cụ thể như sau:

(Đơn vị: **VNĐ**)

STT	Hợp đồng thuê	Thời hạn thuê	Tổng giá trị tài sản thuê	Tiền trả trước	Giá trị thuê
1	B1909254P2	36 tháng	10,380,000,000	3,114,000,000	7,266,000,000
2	B1905023P2	36 tháng	11,111,400,000	3,333,420,000	7,777,980,000

Hàng tháng, Công ty T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C Tiền thuê bao gồm một phần Vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền Vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê.

Trước khi Công ty T trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên các giấy tờ pháp lý liên quan đến quyền sở hữu, bảo hiểm, v.v. đối với Tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền Thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu Công ty T bồi thường thiệt hại.

Mức lãi suất và thông tin đăng ký giao dịch bảo đảm của Hợp đồng thuê cụ thể là:

STT	Hợp đồng thuê	Ngày bắt đầu thuê	Mức lãi suất (%)	Ngày đăng ký giao dịch bảo đảm
1	B1909254P2	27/09/2019	10.42	27/09/2019
2	B1905023P2	07/05/2019	10.33	24/05/2019

2.2. Về quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty T đã nhận đủ tài sản thuê gồm 07 Tổ máy phát điện và 07 Máy phát điện như đã nêu ở mục 2.1.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã không thanh toán cho Công ty C theo đúng thỏa thuận. Do đó, vào ngày 06/07/2021, Công ty C đã phát hành Thông báo số 02.2021/TB-THP về việc Chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu Công ty T thanh toán toàn bộ dư nợ và các khoản phải trả khác theo quy định tại các Hợp đồng thuê.

2.3. Về nợ gốc và lãi: Công ty T xác nhận còn nợ Công ty C (tạm tính đến ngày 08/9/2022) số tiền là **6,687,957,537 đồng** (*Sáu tỷ, sáu trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi bảy đồng*). Trong đó bao gồm (đơn vị: VNĐ):

STT	Nội dung	Hợp đồng thuê số B1909254P2	Hợp đồng thuê số B1905023P2
1.	Nợ gốc, VAT	2,861,542,572	2,160,550,000
2.	Nợ lãi thuê	299,692,226	195,286,713
3.	Lãi điều chỉnh	-36,893,452	-23,323,138
4.	Lãi quá hạn	12,266,996	10,425,674
5.	Phạt chậm thanh toán	1,906,657	1,559,217
6.	Giá trị còn lại	311,400,000	333,342,000

7.	Chi phí thu hồi		
8.	Nợ lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng (từ ngày 12/07/2021 đến 08/9/2022)	305,321,510	254,880,562
Tổng các khoản phải thu		3,755,236,509	2,932,721,028
Tổng		**6,687,957,537**	
Bằng chữ: Sáu tỷ, sáu trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi bảy đồng.			

Công ty T còn phải chịu khoản tiền nợ lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng kể từ ngày 09/9/2022 đến khi Công ty T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.4. Về phương án trả nợ:

Kể từ tháng 09/2022, hàng tháng Công ty T phải trả cho Công ty C số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) vào ngày 25 hàng tháng, kỳ thanh toán đầu tiên là ngày 25/9/2022 cho đến khi Công ty T tất toán toàn bộ khoản nợ cho Công ty C.

Nếu Công ty T vi phạm thỏa thuận, cam kết nêu trên ở bất kỳ thời điểm nào (trả nợ không đúng hạn hoặc không đủ số tiền đã cam kết) thì Công ty C có quyền yêu cầu Công ty T phải trả cho Công ty C toàn bộ số tiền còn nợ, đồng thời buộc Công ty T hoàn trả cho Công ty C Tài sản thuê là **07 Tổ máy phát điện và 07 Máy phát điện nêu trên** để Công ty C thanh lý và trừ vào số tiền thuê mà Công ty T còn nợ. Thời hạn Công ty T phải hoàn trả tài sản thuê cho Công ty C là 30 ngày, kể từ ngày Công ty T vi phạm cam kết nói trên.

Trường hợp tài sản thuê (là 07 Tổ máy phát điện và 07 Máy phát điện) bị thất thoát, hư hỏng do lỗi của Công ty T thì Công ty T phải có nghĩa vụ bồi thường bằng giá trị tài sản.

Trong trường hợp không thu được hoặc số tiền thu được từ việc thanh lý Tài sản thuê không đủ bù đắp số tiền Công ty T còn nợ, buộc Công ty T tiếp tục thanh toán cho Công ty C đến khi hết nợ.

Trong trường hợp Công ty T không hoàn trả đầy đủ tài sản thuê (07 Tổ máy phát điện và 07 Máy phát điện) cho Công ty C trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Công ty T vi phạm cam kết hoặc số tiền thu được từ việc thanh lý Tài sản thuê không đủ bù đắp số tiền Công ty T còn nợ thì Công ty C có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là ông Tiết Văn H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C đầy đủ số tiền mà Công ty T còn nợ.

3. Về án phí:

- Về án phí: Công ty Cổ phần Năng lượng và Xây dựng T phải nộp 57.343.979 đồng (*Năm mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty cho thuê tài chính TNHH

MTV Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.250.000 (*Năm mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng theo Biên lai số 0003657 ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- TAND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Đặng Trình